

# Phiếu An toàn Hóa chất

Trang: 1/10

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

## 1. Thông tin sản phẩm và doanh nghiệp

### **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

Sử dụng: thuốc diệt chuột, biôxít

#### Công ty:

BASF Vietnam Co. Ltd.

12 Tu do Boulevard, Vietnam-Singapore IP

Thuan An, Binh Duong, VIETNAM

Điện thoại: +84 6503 743-100

Số fax: +84 6503 743-200

Địa chỉ mail: [nguyen.bui@basf.com](mailto:nguyen.bui@basf.com)

#### Thông tin khẩn cấp:

International emergency number:

Điện thoại: +49 180 2273-112

## 2. Nhận dạng nguy hiểm

Phân loại về chất và hợp chất:

Sản phẩm được phân loại là hóa chất không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn của Hệ thống Hàì hòa toàn cầu về Phân loại và Ghi nhãn hóa chất (GHS).

Ghi nhãn sản phẩm và cảnh báo nguy cơ:

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

Sản phẩm không yêu cầu nhãn cảnh báo mối nguy hiểm theo Tiêu chuẩn GHS

Những mối nguy hiểm khác mà không được phân loại:

Xem phần 12 - Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Sản phẩm này gây nguy hại cho động vật có vú, bao gồm các vật nuôi trong nhà. Phải ngăn ngừa các loại động vật nuôi tiếp xúc với hóa chất.

---

### 3. Thông tin về thành phần nguy hiểm

#### Bản chất của hoá chất

thuốc diệt chuột, mối, biôxít

Bao gồm: Flocoumafen (Hàm lượng (W/W): 0.005 %)

Sản phẩm không chứa bất kỳ thành phần nguy hại nào.

---

### 4. Biện pháp sơ cấp cứu khi gặp tai nạn

Khuyến cáo chung:  
Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn.

Nếu hít phải:  
Giữ bệnh nhân bình tĩnh, di chuyển ra nơi có không khí trong lành.

Khi tiếp xúc với da:  
Rửa kỹ bằng xà phòng và nước.

Khi tiếp xúc với mắt:  
Rửa mắt bị ảnh hưởng trong ít nhất 15 phút dưới vòi nước với mí mắt mở to.

Khi nuốt phải:  
Súc miệng và sau đó uống nhiều nước.

Lưu ý cho bác sĩ:

Triệu chứng: Hiện tượng rối loạn đông tụ.

Làm tăng quá trình chảy máu.

Trong những tình huống xấu nhất, máu chảy nhiều từ các cơ quan nội tạng có thể gây sốc tuần hoàn, dẫn đến tử vong.

Thời gian bắt đầu của các triệu chứng sẽ chưa thể hiện khoảng 4 ngày sau khi hấp thụ hóa chất.

Những mối nguy hiểm: Hóa chất/ Sản phẩm là một loại thuốc diệt chuột chống đông tụ dạng couma-  
rin (coumarin).

Việc xử lý: Xử lý triệu chứng (khử độc, chức năng sống).

---

### 5. Biện pháp chữa cháy

Phương tiện chữa cháy phù hợp:  
bột khô, bọt, Phun nước

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

Những phương tiện chữa cháy không phù hợp vì lý do an toàn:  
cacbon dioxide

Những mối nguy hiểm cụ thể:

carbon monoxide, hydrogen fluoride, carbon dioxide, các oxit nitơ, khí độc  
Những chất/nhóm chất được đề cập có thể thoát ra khi cháy.

Thiết bị bảo vệ đặc biệt:

Trang bị dụng cụ hô hấp độc lập và áo quần bảo hộ chống hóa chất.

Thông tin bổ sung:

Không hít khói trong trường hợp cháy và/ hoặc nổ Giữ mát các thùng chứa bằng cách phun nước nếu tiếp xúc với lửa. Thu gom nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất riêng biệt, không được đến gần các hệ thống cống rãnh hay nước thải. Loại bỏ những mảnh vụn cháy và nước chữa cháy bị nhiễm bản hóa chất theo các quy định chính thức.

---

## 6. Biện pháp xử lý khi gặp sự cố tràn đổ, rò rỉ

Những cảnh báo cá nhân:

Sử dụng quần áo bảo hộ lao động. Tránh tiếp xúc với da, mắt và áo quần. Tránh bụi.

Cảnh báo môi trường:

Không thải vào cống rãnh/nước mặt/nước ngầm. Không thải vào tầng đất nền/đất.

Phương pháp lau dọn hoặc thu gom:

Cho lượng nhỏ: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Cho lượng lớn: Dọn sạch/ xúc sạch.

Cho phần còn lại: Chứa đựng với vật liệu dính bụi và xử lý.

Tránh làm phát sinh bụi. Xử lý vật liệu hấp thụ theo các quy định. Thu gom chất thải trong vật chứa thích hợp, có thể được dán nhãn và bịt kín. Lau dọn sàn và vật nhiễm bản với nước và chất tẩy vết bản, tuân thủ các quy định về môi trường.

---

## 7. Sử dụng và bảo quản

### Sử dụng

Không cần thiết có các biện pháp đặc biệt nếu được cất trữ và sử dụng đúng. Nếu phát hiện chuột bị chết hoặc sắp chết trong hoặc sau quá trình kiểm soát, phải làm rõ ngay lập tức nhằm tránh hiện tượng nhiễm độc thứ cấp. Không sử dụng ở những không gian mở - Che những điểm đặt bả chuột hoặc sử dụng hộp đựng bả. Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hoá chất Nên rửa sạch tay và/ hay mặt trước khi nghỉ ngơi và vào cuối ca. Phải bảo đảm thông thoáng hoàn toàn ở khu vực lưu trữ và làm việc.

Phòng chống cháy nổ:

Tránh bụi. Bụi có thể tạo thành một hỗn hợp nổ với khí. Tránh tích tĩnh điện - các nguồn phát sinh tia lửa điện phải được giữ thông thoáng - nên có sẵn các bình chữa cháy.

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

#### Lưu trữ

Cách ly với thức ăn của người và động vật

Thông tin bổ sung về điều kiện lưu trữ: Tránh xa nguồn nhiệt Chống ẩm. Bảo vệ khỏi ánh sáng mặt trời trực tiếp.

Tính ổn định lưu trữ:

Thời gian lưu trữ: 60 Months

Bảo vệ ở nhiệt độ trên: 30 °C

Tính chất sản phẩm có thể bị thay đổi nếu chất/ sản phẩm được lưu trữ ở điều kiện môi trường dưới nhiệt độ chỉ định trong khoảng thời gian dài

---

## 8. Kiểm soát tiếp xúc và phương tiện bảo hộ cá nhân

#### Thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp:

Yêu cầu thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bảo vệ tay:

Găng tay chống hóa chất thích hợp (EN 374) cũng với quá trình tiếp xúc lâu dài và trực tiếp (Đề nghị: Chỉ số bảo vệ 6, tương ứng > 480 phút thời gian thẩm thấu theo EN 374): Vd. cao su nitrile (0.4 mm), cao su chloroprene (0.5 mm), cao su butyl (0.7 mm) v

Bảo vệ mắt:

Yêu cầu nếu có nguy cơ tiếp xúc với mắt., Kính an toàn với chắn bảo vệ các cạnh (kính gọng) (vd. EN 166)

Bảo vệ toàn thân:

Bảo vệ cơ thể được chọn dựa vào hoạt động và khả năng phơi nhiễm, ví dụ tạp dề, ủng bảo vệ, quần áo chống hoá chất (theo EN 14605 trong trường hợp hoá chất văng hoặc EN ISO 13982 trong trường hợp bụi).

Tiêu chuẩn vệ sinh và an toàn chung:

Xử lý theo quy tắc vệ sinh và an toàn công nghiệp. Đề nghị mặc trang phục làm việc bó sát. Cát trữ riêng biệt áo quần làm việc. Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật.

---

## 9. Đặc tính hóa lý

Dạng:	chất rắn, những khối
Màu sắc:	màu xanh
Mùi:	gần như không mùi, Mùi nhẹ, mùi cỏ
Ngưỡng mùi:	Chưa xác định bởi các nguy cơ tiềm tàng đối với sức khỏe do hít phải hóa chất.
Giá trị pH:	tương đương 4 - 7 (20 °C)

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

Điểm nóng chảy:	>= 64 °C	
	Các báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.	
Điểm sôi:	> 300 °C	
	Các báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.	
Điểm chớp cháy:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	
Tốc độ bay hơi:	không áp dụng	
Tính dễ cháy (chất rắn/Khí gas):	không bắt cháy	(Chỉ thị 92/69/EEC, A. 10)
Giới hạn nổ dưới (LEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Giới hạn nổ trên (UEL):	Không thích hợp đối với việc phân loại và dán nhãn đối với các chất rắn	
Phân huỷ do nhiệt:	Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.	
Tự bắt cháy:	Nhiệt độ: 267 °C	
Nguy cơ nổ:	Dựa trên cấu trúc hóa học không có biểu hiện cho thấy có các thuộc tính nổ.	(Chỉ thị 84/449/EWG, A.14)
Những đặc tính làm tăng cháy:	Dựa trên các đặc điểm cấu trúc của nó sản phẩm không được phân loại là oxy hóa.	
Áp suất hơi:	không áp dụng	
Tỷ trọng:	tương đương 1.27 g/cm <sup>3</sup> (20 °C)	(OECD-Hướng dẫn 109)
Tỷ trọng hơi (không khí):	không áp dụng	
Tính tan trong nước:	Không thể hạ tan	
Thông tin trên: Flocoumafen		
Hệ số phân chia n-octanol/nước (biểu đồ Pow): 6.12 (Giá trị pH: 7)		(OECD-Hướng dẫn 107)
-----		
Tính nhớt, động lực:	không áp dụng, sản phẩm là chất rắn.	

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

Thông tin khác:

Trong trường hợp cần thiết, thông tin về các thông số vật lý và hoá học sẽ được ghi rõ trong mục này.

## 10. Tính ổn định và khả năng phản ứng

Những điều kiện cần tránh:

Xem MSDS phần 7 - Xử lý và cất trữ.

Phân huỷ do nhiệt:

Không phân huỷ nếu được cất trữ và sử dụng như được chỉ dẫn/ quy định.

Những chất cần tránh:

các axit mạnh, các chất bazơ mạnh, các tác nhân oxy hóa mạnh

Những phản ứng nguy hiểm:

Phản ứng không nguy hại nếu được cất trữ và sử dụng theo chỉ dẫn/ quy định.

Các sản phẩm phân huỷ nguy hại:

Không có các sản phẩm phân huỷ nguy hại nếu cất trữ và xử lý như được trình bày/ thể hiện.

## 11. Thông tin về độc tính

### Độc độc cấp tính

Đánh giá độ độc cấp tính:

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Hầu như không độc sau 1 lần ăn vào. Hầu như không độc sau 1 lần tiếp xúc với da. Không có khả năng hít phải hóa chất.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

LD50 chuột (miệng): &gt; 5,000 mg/kg

LC50 (bằng cách hít phải):

Không thể hít do các đặc tính lý-hóa của sản phẩm.

LD50 chuột (da): &gt; 5,000 mg/kg

### Kích ứng

Đánh giá tác động kích ứng:

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Không gây kích ứng mắt. Không gây kích ứng da.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

Ăn mòn/Kích ứng da thỏ:

Gây tổn thương/kích ứng mắt nghiêm trọng thỏ:

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

### **Dị ứng da/hô hấp**

Đánh giá tính nhạy cảm:

Sản phẩm chưa được thử nghiệm. Các kết luận đưa ra dựa trên các chất hay sản phẩm có cấu trúc hoặc thành phần tương tự. Không có bằng chứng cho thấy khả năng gây mẫn cảm.

Dữ liệu thực nghiệm/ tính toán:

thí nghiệm Buehler được điều chỉnh chuột lang:

### **Gây đột biến tế bào**

Đánh giá khả năng gây đột biến:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Thí nghiệm đột biến cho thấy không có khả năng đột biến gen.

### **Chất gây ung thư**

Đánh giá khả năng gây ung thư:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả từ các nghiên cứu khác nhau trên động vật không cho thấy sự hiện diện của tác nhân gây ung thư.

### **Độc đối với sinh sản**

Đánh giá độ độc đến sinh sản:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những kết quả nghiên cứu trên động vật không cho thấy tác dụng giảm khả năng sinh sản.

### **Độc tính gia tăng**

Đánh giá vấn đề quái thai:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần. Những nghiên cứu trên động vật đã không biểu thị tác dụng gia tăng độc tính với mỗi liều không độc cho động vật bố mẹ.

### **Độ độc liều lượng lặp lại và cơ quan đích cụ thể (phơi nhiễm nhiều lần)**

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Flocoumafen

Đánh giá độ độc liều lượng lặp:

Tiếp xúc nhiều lần với liều lượng thấp có thể ảnh hưởng các cơ quan nội tạng của cơ thể Gây tổn hại quá trình đông máu.

### **Thông tin độc tính liên quan khác**

Sử dụng sai có thể làm nguy hại đến sức khỏe.

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

## 12. Thông tin về sinh thái môi trường

### Độc sinh thái

Đánh giá độ độc với môi trường thủy sinh:

Một khả năng cao là sản phẩm không gây nguy hại sâu đến sinh vật thủy sinh. Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Flocoumafen

Độc với loài cá:

LC50 (96 h) 0.071 mg/l, *Oncorhynchus mykiss* (OECD - Hướng dẫn 203)

Thông tin trên: Flocoumafen

Loài không xương sống thủy sinh:

EC50 (48 h) 0.17 mg/l, *Daphnia magna* (Hướng dẫn OECD 202, phần 1)

Thông tin trên: Flocoumafen

Thực vật thủy sinh:

EC50 (72 h) > 18.2 mg/l, *Pseudokirchneriella subcapitata* (Hướng dẫn OECD 201)

### Đặc tính không ổn định

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Flocoumafen

Đánh giá giữa việc vận chuyển và dự luật môi trường:

Sau khi tiếp xúc với đất, hoá chất sẽ bị hấp thụ vào trong các hạt đất, do đó không gây ô nhiễm nguồn nước ngầm.

### Tính bền và tính biến chất

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.

Thông tin trên: Flocoumafen

Đánh giá phân huỷ sinh học và tính khử (H<sub>2</sub>O):

Không thể nhanh chóng phân huỷ (theo tiêu chuẩn OECD).

### Khả năng tích lũy sinh học

Đánh giá khả năng phân huỷ sinh học:

Sản phẩm không được thí nghiệm. Báo cáo dựa trên các thuộc tính của từng thành phần.



BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

Thông tin trên: Flocoumafen

Khả năng tích lũy sinh học:

Vì có thể có hệ số phân bố n-octanol/nước (log Pow) tích tụ trong các cơ quan.

**Thông tin bổ sung**

Những lời khuyên về độc chất sinh thái khác:  
Không thải bỏ ra môi trường.

**13. Biện pháp và quy định về tiêu huỷ hoá chất**

Phải được thải bỏ hoặc đốt phù hợp với quy định địa phương.

Bao bì nhiễm bẩn hoá chất:

Bao bì nhiễm bẩn nên được trút ra tối đa có thể và được xử lý theo cách thức tương tự như chất/sản phẩm.

**14. Quy định về vận chuyển****Vận chuyển nội địa:**

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

**Vận tải đường thủy**

IMDG

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

**Sea transport**

IMDG

**Vận tải hàng không**

IATA/ICAO

Không được phân loại như là hàng hoá nguy hiểm theo những qui định vận tải

**Air transport**

IATA/ICAO

**15. Thông tin về luật pháp****Những quy định của Cộng đồng Châu Âu (Dán nhãn)**Chỉ thị EEC:

Nhóm An toàn - S

S2

S13

S20/21

Tránh xa tầm tay trẻ em.

Cách ly với thức ăn, nước uống và thức ăn động vật.

Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng hoá chất

---

BASF Phiếu An toàn Hóa chất

Ngày / Đã được hiệu chỉnh: 24.03.2014

Phiên bản: 1.0

Sản phẩm: **STORM 0.005% BLOCK BAIT**

(30471683/SDS\_GEN\_VN/VI)

Ngày in 26.03.2014

Sản phẩm không yêu cầu nhãn hiệu cảnh báo nguy hại theo Các chỉ thị EC.

### **Những quy định khác**

Phải bổ sung phụ lục trong trường hợp thông tin khác về việc áp dụng luật pháp chưa được cung cấp trong phiếu An toàn hoá chất này.

---

## **16. Thông tin khác**

---

Những hàng thẳng bên lề trái cho biết một số hiệu chỉnh so với phiên bản trước đó.

Những thông tin trong phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn. Phiếu An toàn hoá chất chỉ mô tả sản phẩm liên quan đến những yêu cầu an toàn. Dữ liệu không mô tả thuộc tính của sản phẩm (chi tiết kỹ thuật). Người sử dụng sản phẩm chịu trách nhiệm về các quyền sở hữu, các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.